

# NGUYỄN PHÚ ĐỨC, NGUYỄN XUÂN PHONG VÀ NGUYỄN TIẾN HUNG VIẾT VỀ CÁI CHẾT CỦA ĐỆ NHỊ CỘNG HOÀ

*Lâm Lễ Trinh*

“We betrayed you” (W.Westmoreland)

Từ ba thập niên nay, không đợi đến ngày 30 tháng tư trở lại mới có thêm tài liệu giải mật được phổ biến từ ba phía Mỹ, Cộng sản và Quốc gia liên hệ đến giai đoạn hấp hối của chính phủ Nguyễn Văn Thiệu kết thúc bằng cuộc tháo chạy của Hoa kỳ năm 1975. Về cánh quốc gia, người viết bài này may mắn gặp lại và phỏng vấn một số nhân vật chính yếu trong cuộc như cố Tổng thống Thiệu, đại tướng Cao Văn Viên (tác giả của The Final Collapse và Những ngày cuối cùng của VNCH), ngoại trưởng Trần Văn Lắm trước khi ông qua đời tại Úc, bác sĩ Nguyễn Lưu Viên, nguyên chủ tịch phái đoàn VN tại Hội nghị La Celle Saint Cloud và ông Nguyễn Xuân Phong, cựu Quốc vụ khanh phụ trách đàm phán tại Paris, thay thế đại sứ Phạm Đăng Lâm sau tháng giêng 1973. Những bài phỏng vấn vừa kể được đưa lên internet và đăng trên báo. . Người viết cũng có dịp đọc qua và so sánh các dữ kiện trình bày trong năm quyển hồi ký của ba nhân chứng còn sống: Pourquoi les Eùtats-Unis ont-ils perdu la guerre ? (nxb Godefroy De Bouillon, Paris 1996) và The VN Peace Negotiations, Saigon’s Side of the Story (nxb Arthur J Dommen,VA, 2005) của Nguyễn Phú Đức; Hope and Vanquished Reality (nxb Xlibris Corp., NY, 2001) của Nguyễn Xuân Phong; Hồ sơ Mật Dinh Độc lập (viết chung với Jerrold Schecter, nxb The C & K Promotions Inc., LA , 1986) và Khi Đồng minh tháo chạy (nxb Hứa Chấn Minh, 2005) của Nguyễn Tiến Hưng. Gs Đức hiện đã về hưu sau khi dạy luật năm 1975 tại ESSEC, École Supérieure des Sciences Économiques et Commerciales, Paris, còn hai ông Phong và Hưng thì định cư ở Hoa Kỳ, người đầu là chuyên viên nghiên cứu ở Trung tâm VN Center, Lubbock, Texas Tech University, và người sau dạy tại Đại học Howard, Washington. . Phạm vi hạn hẹp của bài này không cho phép đi sâu vào chi tiết diễn tiến của những cuộc đàm phán mật và công khai của các phái đoàn tham nghị, đặc biệt giữa Kissinger và đại diện Bắc Việt, kéo dài từ 25.3.1965 (là ngày Tổng thống Lyndon Johnson tuyên bố sẵn sàng nói chuyện hoà bình với CS ) cho đến 27.1.1973 là ngày ký Hiệp định Paris. Người viết sẽ phân tích vai trò thật sự của ba tác giả nêu trên, các đặc điểm trong những hồi ức của họ và bối cảnh hỗn loạn ở Miền Nam VN vào tháng tư 1975. Chính sách tóm thu quyền bính và bố trí nhân sự của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu. Từ ngày đảo chính 1.11.1963 lật đổ Đệ nhất Cộng hoà cho đến 1967 là năm ban hành Hiến pháp Đệ nhị Cộng hoà, Chính phủ Quân nhân cai trị thiếu căn bản pháp lý nên Miền Nam VN biến loạn liên tiếp. Tháng 5.1967, Hoa kỳ thúc Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia và Ủy ban Hành pháp Trung ương tổ chức bầu cử hai ngành Hành pháp và Lập pháp. Mười liên danh tranh chức Tổng thống và Phó Tổng thống. Liên danh Quân đội Thiệu-Kỳ đắc cử. Trong vòng hai năm, TT Thiệu củng cố địa vị, vô hiệu hoá Hội đồng Giám sát của Tướng lãnh, cất lỏng cất cánh Phó Tổng thống Kỳ và ngày 1.9.1969, thay thế con gà yếu số của Kỳ là Thủ tướng Nguyễn Văn Lộc bằng Nội các Trần Văn Hương do Thiệu kiểm soát hoàn toàn. Năm 1971, Thiệu độc diễn và đắc cử dễ dàng nhiệm kỳ hai với “chính sách 4 không” : không liên hiệp, không hoà giải hoà hợp với CS, không nhượng đất và không trung lập. Qua trung gian hai Pháp kiều Raymond Aubrac (bạn thân của Hồ Chí Minh) và Herbert Marcovich (một khoa học gia), giáo sư Kissinger (K) tổ chức cho Averell Harriman, đại diện Hoa Kỳ, gặp ngày 10.5.1968 ngoại trưởng Xuân Thủy, có Hà Văn Lâu dự kiến và Lê Đức Thọ cố

vấn. Khi chính thức trở nên Phụ tá an ninh cho Nixon, K nhờ Jean Sainteny, nguyên đại diện cho Pháp tại Bắc Việt (1945-1947), sắp xếp cho y gặp riêng ngày 4.8.1969 Xuân Thủy tại tư thất của Sainteny, đường Rivoli, Paris. Năm 1971, cuộc thương thuyết công khai bắt đầu. Hoa Thịnh Đốn ép Chính phủ Sài Gòn chấp nhận sự tham gia của Mặt trận Giải phóng Miền Nam, (MTGPMN). Hoa đàm dầm chân khá lâu vì bốn phe nghị hội: Mỹ, VNCH, Bắc Việt và MTGPMN tranh luận về thủ tục và kèn cựa mặc cả. Bắc Việt áp dụng chiến thuật vừa đánh vừa đàm vì biết người khổng lồ Hoa Kỳ với đôi chân đất sét thiếu kiên nhẫn và bị cánh phản chiến trong nước khoá tay. Chiến cuộc trở nên khốc liệt với biến cố Tết Mậu thân (1968). Ngày 2.3.1971, Việt cộng pháo kích Sài Gòn, Đà Nẵng, Biên Hoà và 115 chỗ. Ngày 9.7.1971, để gây áp lực với Bắc Việt, K qua Bắc kinh viếng Chu Ân Lai và chuẩn bị cuộc gặp mặt đầu năm 1972 giữa Nixon và Mao Trạch Đông. CS tổng tấn công vào lễ Phục sinh, lối năm tuần sau chuyển công du của Nixon tại Bắc kinh. Ngày 8.5.1972, Nixon ra lệnh gài mìn Hải phòng và dội bom Bắc Việt. Để đối phó với tình hình bên trong và bên ngoài, Tổng thống Thiệu cẩn thận sắp xếp một Bộ tham mưu quân chính gồm những thành phần tin cậy, dựa vào sự trung thành cá nhân hay huyết thống gia đình, bất chấp dư luận dèm pha. Về quân sự, Tổng tư lệnh Quân đội N V Thiệu nắm hết quyền bính trong tay, Tổng tham mưu trưởng Cao Văn Viên chỉ đóng vai trò tuân hành và thị chứng. Bộ Quốc phòng là “hộp thư” giữa Tổng thống và Bộ Tổng tham mưu. Thiệu chọn trung tướng Đặng Văn Quang, cựu Tư lệnh Quân đoàn 4, làm Phụ tá an ninh. Ông bổ nhiệm vào chức Tư lệnh vùng hay sư đoàn trưởng Nguyễn Văn Toàn, Phạm Văn Phú, Ngô Dzu, Đỗ Kiến Nhiễu, Hoàng Đức Ninh.. Với một hệ thống máy truyền tin đặt tại Dinh Độc lập, Tổng thống liên lạc thẳng với cấp chỉ huy Quân khu và theo dõi sát sao việc điều động các đơn vị tác chiến hầu ngăn chặn mọi mưu toan đảo chánh. Nhiều thân nhân của ông Thiệu nắm giữ các cơ cấu chính quyền như hai anh ruột là Nguyễn Văn Kiếu (đại sứ ở Đài loan) và Nguyễn Văn Hiếu (đại sứ tại La mã); xui gia Nguyễn Tấn Trung (TGD Air VN), Ngô Xuân Tích (chủ tịch Giám sát viện), Ngô Khắc Tĩnh (Tổng trưởng, Thông tin rồi Giáo dục và Thanh niên), Ngô Khắc Tịnh (Tổng trưởng Tư pháp), cháu Hoàng Đức Nhã (Bí thư đặc biệt rồi Tổng ủy Dân vận và Chiêu Hồi), em cột chèo Nguyễn Xuân Nguyên (bí thư), Nguyễn Khắc Bình (Tổng giám đốc Cảnh sát kiêm đặc ủy trưởng Trung ương tình báo)..v..v.. Là đảng viên Cần lao thời Đệ nhất Cộng hoà và Đại Việt, TT Thiệu trọng dụng một số nhân vật chế độ cũ hay đảng phái trong Thượng viện hoặc bộ máy chính trị như các ông Nguyễn Văn Hương (tự Mười Hương), Nguyễn Văn Ngãi, Trần Trung Dung, Trần Chánh Thành, Trần Văn Lắm, Lê Văn Đồng, Phạm Như Phiên, Trần Hữu Phương.. (hai ông Lắm và Thành có lúc được bổ nhiệm Tổng trưởng Ngoại giao). Tại Quốc hội, các phe nhóm chống Chính phủ lần hồi bị vô hiệu hoá bằng sự chia rẽ nội bộ, đàn áp, mua chuộc, không kể việc xâm nhập của Cộng sản. Đa số thẩm phán Tối cao Pháp viện bị Phủ Đầu Rồng chi phối nghiêm trọng. Vì biết khả năng của mình giới hạn, ông Thiệu - theo Ngô Khắc Tĩnh nói với người viết - chịu khó hỏi ý kiến của nhiều chuyên viên, phân tích kín đáo và đúc kết lại thành ý kiến riêng để lấy quyết định cuối cùng. Với bấm táng đa nghi, kiên nhẫn chịu đựng, và khi cần, chấp nhận khổ nhục kế, ông Thiệu đã gỡ nhiều thế bí trong cuộc tranh quyền với Kỳ. Cuối cùng, Kỳ bị loại vì ba hoa hơn mưu lược. “Làm chính trị, phải lì”, ông Thiệu nói. Trong lúc đàm đạo thân tình, người viết có dịp hỏi đại tướng Cao Văn Viên: “Nếu sánh hai ông Diệm và Thiệu thì người nào độc tài hơn?”. Suy nghĩ một phút, tướng Viên đáp: “Ông Thiệu độc tài trong dân chủ”, ngụ ý TT Thiệu khôn ngoan che lấp độc tài dưới võ ngoài dân chủ. Khác với TT Diệm, ông chấp nhận sự chỉ trích khi cần thiết. Nhờ thế, ông Thiệu tồn tại lâu hơn ông Diệm. Dư luận thắc mắc vì sao, từ 1972, Tổng tham mưu trưởng Cao Văn Viên buông xuôi và Thủ tướng Trần Thiện Khiêm giữ thái độ bất động? Nghị sĩ Trần Văn Đôn ghi như sau nơi trang 430-431 của hồi ký Việt Nam Nhân chứng (1989): “..Ông Thiệu nghĩ rằng hai tướng Viên và Khiêm không có can đảm phiêu lưu làm đảo chánh, nhất là không có lệnh của Mỹ.....Năm 1971, TT Thiệu nhờ tôi nói với đại tướng Viên,

Tổng Tham Mưu Trưởng, về việc ông này cứ ở mãi trong văn phòng, không chịu đi ra ngoài. Ông Viên trả lời: Tôi đã xin từ chức mấy lần mà ông Thiệu không chấp thuận nên tôi cứ ở văn phòng làm việc mà thôi!". Nơi trang 429, Đôn ghi thêm: " Tôi hỏi ông Thiệu: Nếu Tổng thống không bằng lòng về hai ông Viên và Khiêm thì sao không đổi người khác để làm việc hữu hiệu hơn? Ông Thiệu đáp: Hai người này của Mỹ, nếu tôi đổi hai người này thì Mỹ sẽ phản đối, tôi sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc lãnh đạo Miền Nam. Cái khó khăn của tôi ai cũng nghĩ là đối đầu với Cộng sản. Thật ra trở ngại và khó khăn cho tôi là Mỹ." Điều mà Ns Đôn quên nêu ra là cả hai tướng Khiêm và Viên từng tuyên bố "không ham thích chính trị." TT Thiệu tìm đâu ra những nhân vật "lý tưởng hơn" để tránh sự cạnh tranh về quyền lực ?

Nguyễn Phú Đức, Nguyễn Xuân Phong và Nguyễn Tiến Hưng: Ba nhân chứng, ba giai đoạn, ba trách vụ. Như đã ghi trên, cuộc đàm phán tại Paris gồm có ba giai đoạn liên tiếp: mật đàm (từ 25.3.1965 cho đến đầu 1968), đàm phán công khai (từ 1968 cho đến 27.1.1973 là ngày Hiệp ước hoà bình được ký tại Paris) và giai đoạn thi hành Hiệp ước, (từ 27.1.1973 cho đến 30.4.1975, kết thúc bằng sự vi phạm của Bắc Việt) . Chính phủ VNCH không liên hệ đến giai đoạn mật đàm. Năm 1965 và 1966, K qua Sài Gòn với tư cách chuyên gia tư vấn của Thống đốc Nelson Rockefeller (Dân chủ) tìm hiểu vấn đề VN. Y tiếp xúc với vài nhân vật đối lập như Trần Văn Tuyên, Phan Huy Quát..và thẩm lượng (bi quan) khả năng lãnh đạo của các tướng trẻ Jeunes turcs. Năm 1968, Nixon đắc cử Tổng thống. K mau lẹ xoay qua cố vấn chủ mới Cộng hòa. K say mê ánh đèn sân khấu và thích thú đi đêm với Hà Nội. Từ tháng 8.1969 cho đến cuối tháng giêng 1973, K gặp riêng Lê Đức Thọ, Cố vấn phái đoàn Bắc Việt, lối 15 lần ở Choisy- Le -Roi hay Gif -sur -Yvette (tại tư thất khoa học gia Trần Thanh Vân, em của linh mục Trần Thanh Giản) Khi đàm phán tiến vào giai đoạn công khai, TT Thiệu giao cho Ngoại trưởng Trần Chánh Thành phụ trách. Trần Văn Lắm thay thế Thành sau cuộc hội kiến Johnson-Thiệu ở Honolulu ngày 18.7.1968. Tại Paris, đại sứ Phạm Đăng Lâm hướng dẫn phái đoàn VNCH, gồm có Nguyễn Xuân Phong, (Phó trưởng đoàn), Trần Văn Ân, Trần Văn Đổ, Nguyễn Quốc Định, Nguyễn Đắc Khê, Nguyễn Ngọc Huy, Nguyễn Ngọc An, Nguyễn Thị Vui, và Nguyễn Triệu Đan (phát ngôn viên). Cố vấn Kỳ và vợ gây nhiều tai tiếng tại Thủ đô Ánh sáng. Tiến sĩ Nguyễn Phú Đức, phụ tá ngoại giao cho TT Thiệu, đóng một vai trò kín đáo, khiêm nhường bên sau hậu trường còn Gs Nguyễn Tiến Hưng thì chưa tham chính lúc đó. Hiệp định Paris được thi hành ra sao? Sau ngày 27.1.1973 ký xong Hiệp định Paris, Trần Văn Lắm trở về Thượng viện để giữ chức Chủ tịch, nhường ghế Ngoại trưởng cho Phụ tá Nguyễn Phú Đức. Phó thủ tướng Nguyễn Lưu Viên được chỉ định làm trưởng đoàn VNCH tại Hội nghị La Celle Saint Cloud để chuẩn bị cuộc bầu cử tại Miền Nam VN với chính phủ MTGPMN. Bs Viên, về sau, tiết lộ với người viết: " Chúng tôi biết trước Hội nghị La Celle Saint Cloud không đi đến đâu, chỉ có tác dụng câu giờ, mọi vấn đề sẽ giải quyết trên chiến trường." Hai ông Nguyễn Xuân Phong và Nguyễn Tiến Hưng tham gia Nội các vấn số Nguyễn Bá Cẩn, thành lập ngày 14.4.1975, vào lúc Chính Phủ Sài Gòn sập tiệm, người đầu trong chức Quốc vụ khanh đặc trách Hoà đàm (thay thế đại sứ Phạm Đăng Lâm) và người sau, trong chức Tổng trưởng Kế hoạch. Dưới danh xưng này, Hưng được TT Thiệu động viên (tuyệt vọng) vào giờ thứ 25 sang Hoa kỳ xin cứu viện. Nhiệm vụ của bs Nguyễn Lưu Viên và Đs Nguyễn Xuân Phong chỉ có trên giấy tờ vì Bắc Việt từ chối nhóm họp và ào ạt xua quân thôn tính Miền Nam. bắt chấp các điều ký kết.

Vai trò đặc biệt của hai cố vấn Huỳnh Văn Trọng và Hoàng Đức Nhã Chính quyền Nguyễn Văn Thiệu từng gây xôn xao trong quần chúng bởi xử dụng một số nhân vật tai tiếng như Nguyễn Cao Thăng, Vũ Ngọc Nhạ, Nguyễn Văn Ngân, Huỳnh Văn Trọng, Hoàng Đức Nhã...Ba cố vấn của Thiệu bị điều tra, cách chức hay đưa ra Tòa: Trọng, Nhạ (tình báo CS) và Ngân (xây dựng uy thế riêng). Bài này chỉ đề cập đến Trọng và Nhạ vì cả hai liên hệ đến hoà đàm Ba Lê. A-

HÙYNH VĂN TRỌNG. Năm 1958, khi người viết phụ trách Bộ Nội vụ thời Đệ nhất Cộng hòa, Bernard Huỳnh Văn Trọng (Pháp tịch và công giáo) bị Đoàn công tác đặc biệt Miền Trung lùng bắt trong vụ mệnh danh Gián điệp Tây ở Nhà hàng Morin, Huế. Y thoát được qua Nam Vang và tại đây, móc nối với Ca Văn Thỉnh, trưởng đoàn đại diện thương mại CS Bắc Việt. Trọng có bằng cử nhân luật, thông thạo Pháp - Anh ngữ, từng làm thẩm phán ở Huế và năm 1950 giữ chức Tổng thư ký Chính phủ và Bộ trưởng Nội vụ trong Nội các Nguyễn Phan Long. Sau chính biến 1963, D V Minh thả bừa bãi tù nhân chính trị. Trọng trở về Sài Gòn và tham gia cụm tình báo chiến lược A22 do Vũ Ngọc Nhạ phụ trách. Để sinh sống, Trọng dạy tiếng Pháp cho nhân viên ngoại giao Mỹ và nhờ cha Trần Ngọc Nhuận giới thiệu với TT Thiệu . Y được Thiệu tin dùng và bổ nhiệm phụ tá Tổng thống về chính trị, ngoại giao. Đầu 1969, vợ Trọng đến Văn phòng luật sư của người viết, đường Hàn Thuyên, nhờ biện hộ trước Tòa Nhà phố trong vụ bị đuổi ra khỏi một khách sạn đường Lê Lợi Sài Gòn vì thiếu tiền thuê nhiều tháng. Trọng nói không dư dả tiền bạc tuy có chức vụ cao. Tháng 11.1969, vụ án Điệp báo Cố vấn TT Thiệu gây chấn động dư luận. Trọng nhờ tác giả bài này bênh vực trước Tòa án Quân sự vùng 3 Chiến thuật. Trọng tiết lộ với người viết rằng y và cụm trưởng Vũ Ngọc Nhạ muốn giúp TT Thiệu tìm ra với MTGPMN một giải pháp cho cuộc chiến, không ngờ CIA theo dõi và phá vỡ mọi việc. Trọng còn cho biết năm 1968, để chuẩn bị hoà đàm tại Ba Lê, TT Thiệu đã gọi Trọng cùng đi với linh mục gốc Bỉ Raymond de Jeagher (cựu cố vấn của TT Diệm và một thành viên năng động trong Liên Minh Á châu chống Cộng) qua Hoa kỳ vận động với Quốc hội, báo giới và nghiệp đoàn. Chuyến công du này không gặt nhiều kết quả vì , theo Trọng, dư luận Mỹ chán ngán chiến tranh. Vụ án kết thúc ngày 29.11.1969. H V Trọng rất sợ bị tử hình. Người viết khuyên y bình tĩnh vì bên trong sân khấu chính trị, những dàn xếp bất ngờ có thể xảy ra, Hoa kỳ còn một số phi công tù binh tại Hànội Hilton; hơn nữa, trong vụ này, Trọng chỉ đóng vai trò “Lê Lai cứu chúa”. Vị Chánh thẩm cho phép các bị can nói lời chót trước khi tuyên án. Vũ Ngọc Nhạ cường điệu tuyên bố nhóm của y hành động vì quyền lợi quốc gia, họ tin sẽ thắng và hẹn có ngày trở về vinh quang. Trọng lên tinh thần, ngổ ngáo lập lại trước Tòa câu nói của người viết: “Tôi chỉ đóng vai trò Lê Lai cứu Chúa, tôi không có tội.” Các sự kiện này được kể lại trong quyển hồi ký Ông Cố vấn do CS xuất bản năm 1984 tại VN, với nhiều khoản thù dật. Vũ Ngọc Nhạ, Huỳnh Văn Trọng, Lê Hữu Thuý và Nguyễn Xuân Hoà bị chung thân khổ sai, đày đi Côn Đảo. Sau 1975, chúng được CS giải thoát. Nhạ thăng Thiếu tướng, ngành tình báo.

B- HOÀNG ĐỨC NHÃ. Tuy không phải là thành viên của phái đoàn VNCH dự hoà đàm tại Ba Lê, Nhã là người gây bực bội nhất cho K trong nhiều lần chạm trán. Trần Văn Đôn (trong hồi ức VN Nhân chứng, trang 406- 415) , Nguyễn Phú Đức (trong quyển sách The VN Peace Negotiations, trang 400-403) và K (trong Ending the VN War, trang 310) đề cập nhiều đến Nhã. N P Đức cho biết Nhã là cháu kêu ông Thiệu bằng cậu, tốt nghiệp đại học Oklahoma, trở về VN trong Khối chuyên viên, tiến thân rất mau trong các chức vụ liên tiếp: thông dịch viên, Bí thư tin cần của Tổng thống và cuối cùng, Tổng ủy Dân vận /Chiêu hồi, phụ trách sau Hiệp ước Ba Lê mạng lưới Thông tin Quốc ngoại có nhiều quyền lực. Ảnh hưởng của Nhã gia tăng từ tháng 8.1972 (khi K đề nghị Thiệu từ chức hai tháng trước ngày bầu cử với CS) và tăng cao hơn sau ngày Hiệp ước được ký cuối tháng giêng 1973. Nhã luôn luôn có mặt trong các buổi họp riêng giữa Thiệu và K, Haig và Bunker cũng như trong những phiên nhóm Hội đồng An ninh Quốc gia để thông dịch vì Phó Tổng thống Nguyễn Văn Hương, Chủ tịch Thượng viện Nguyễn Văn Huyền và Hạ viện Nguyễn Bá Lương không rành Anh ngữ. Theo N P Đức, Nhã thiếu kinh nghiệm và sự già dặn để thảo những công văn ngoại giao trao đổi giữa hai chính phủ Mỹ-Việt. Nhã nuôi nhiều cao vọng chính trị và trong những ngày tháng chót của TT Thiệu, Nhã tìm cách gài phe cánh vào Nội các tuy họ thiếu khả năng. Điều này làm cho chính gia quyền ông Thiệu cũng lo ngại, đặc biệt Ngô Khắc Tĩnh và đại sứ Nguyễn Văn Kiểu (trang

403). Trong Ending the VN War, K viết như sau: “Nhã là cháu tâm phúc của Thiệu, lối 30 tuổi, phụ tá báo chí, từng du học tại Hoa kỳ, tiêm nhiễm gương thành công của các chàng trẻ lanh lợi trong phim xi-nê, ăn bận đúng mốt Hollywood, tướng mạo hao hao giống Alan Ladd thời thanh xuân, nói tiếng Anh trôi chảy và vẫn giữ lại từ bản gốc Việt Nam một khả năng mưu loạn vô biên, an infinite capacity for conspiracy...Bunker và tôi đều đồng ý rằng Nhã đã gây nhiều rắc rối bằng cách thổi phồng mỗi sự hiểu lầm” (trang 310). K hậm hực kể lại trong hồi ký thái độ “bất nhã” của Nhã: ngày 19.10.1973, theo lệnh của Nixon, K qua Sài Gòn trình TT Thiệu tại Dinh Độc lập toàn bản dự thảo Thoả hiệp. Sau khi bắt đợi 15 phút, Nhã ra đón K và Bunker vào, Thiệu không có một lời xã giao, thản nhiên đọc và không phê bình bức thư riêng của Nixon do K trao lại, xong Thiệu mời hai vị khách bước sang phòng kế bên để gặp Hội đồng An ninh Quốc gia. Giữa bầu không khí nặng nề, Thiệu giao cho Nhã thông dịch mặc dù phía VN nói được tiếng Anh. K viết: Nhã “bắt đầu chế diễu vai trò của mình” bằng cách chỉ tóm lược gần phân nửa lời thuyết trình của K. Khi K lưu ý về điểm này, Nhã đáp ngáo ngổ: “ I am a master of contraction, Tôi là bậc sư về khoa cắt ngắn!”. Ngày 21 tháng 10, theo chương trình, K và Bunker gặp lại Hội đồng An ninh lúc 2 giờ 30 trưa. Đợi đến 3 giờ, Nhã điện thoại để thông báo - không cho biết lý do, không xin lỗi - phiên nhóm hoãn đến 5 giờ chiều. “ Y hịch theo kiểu cách của Humphrey Bogart mà có lẽ Nhã đã học đòi đâu đó trên màn ảnh”. 5 giờ 30, vẫn không tin tức. Bunker bức mình gọi Dinh Độc lập, đòi nói chuyện với Nhã, Văn phòng đáp Nhã vừa bước ra ngoài. Một giờ sau - tức là trễ gần 5 giờ theo ước hẹn - Nhã điện thoại báo tin TT Thiệu sẽ tiếp K và Bunker hôm sau lúc 8 giờ sáng. Bunker bắt bẻ: “Có sự chậm trễ ít nửa 24 giờ, giờ Hoa Thịnh Đốn!” Nhã gát điện thoại. K và Bunker hỏi nhau: “Những hành vi xấc xược này phải chăng báo hiệu một vụ chạm trán sắp đến ? Về vấn đề gì? “ Hoàng Đức Nhã hiện ở Chicago. Đến nay, ông chưa kể lại đầy đủ những kỷ niệm cá nhân. Mong được nghe thêm tiếng chuông chân thực của một nhân chứng về giai đoạn lịch sử này.

Những đặc điểm trong hồi ký của ba tác giả 1- Về Ts Nguyễn Phú Đức, hiện định cư ở Paris, tốt nghiệp trường luật Hànội và Harvard, cựu Phụ tá Tổng thống về quốc ngoại và Tổng trưởng ngoại giao VNCH sau Hiệp ước Ba Lê, K phê bình châm biếm: “Ông Đức là một sản phẩm mỹ lệ của hệ thống giáo dục Pháp, chuyên định nghĩa trừu tượng, kết luận lạc đề và có tài cãi bướng” Trong lời tựa của VN, Pourquoi les Eùtats-Unis ont perdu la guerre xuất bản 21 năm sau ngày Sài Gòn thất thủ, ông Đức thanh minh rằng ông cần đợi thời gian lắng đọng để phân tích thanh thản cuộc chiến VN. Quyển sách này dày 410 trang, viết bằng tiếng Pháp, chia thành năm phần mở xẻu chính sách Hoa kỳ tại Đông Dương sau Đệ nhị thế chiến, sự can thiệp của Mỹ vào VN, việc Mỹ chuẩn bị rút quân, kế hoạch Nixon và những ngày cuối của Miền Nam. Phần chót dài 66 trang, không đi sâu vào chi tiết cuộc hoà đàm Ba Lê. Đầu năm 2005, Ts Đức cho phát hành tại Virginia, Hoa kỳ, quyển hồi ký thứ hai, The VN Peace Negotiations, Saigon’s Side of the Story, nxb Dalley, dày 463 trang, gồm có ba phần: mở đầu hoà đàm 1968-1969, những khúc quanh thương thuyết và chiến tranh chấm dứt 1973-1975. Cố vấn Nguyễn Phú Đức tháp tùng Tổng thống Thiệu ngày 18.7.1968 hội kiến với Lyndon Johnson tại Honolulu (Mỹ hứa không áp đặt một chính phủ liên hiệp tại Miền Nam VN) và ngày 8.6.1969 gặp Richard Nixon tại Midway (Mỹ tuyên bố rút 25,000 quân). Mỗi lần, phái đoàn VNCH gồm có vài chuyên viên khác. Ngày 29.11.1972, Ts Đức đợc phái qua Hoa Thịnh Đốn trình với Nixon quan điểm của TT Thiệu hầu tránh hoà đàm Ba Lê bế tắc. Ông không có trách nhiệm trực tiếp thương thuyết tại bàn hội nghị. Nói cách khác, ông là một luật gia phụ trách phần “đấm bóp thời cuộc” hơn là một nhà ngoại giao chuyên nghiệp. Tuy nhiên, một số nhận xét của ông vẫn có giá trị. Đặc biệt, thay vì dùng danh từ vietnamization, Việt nam hóa chiến tranh, Ts Đức đề nghị chữ de-americanization, kế hoạch giải kết vai trò chiến đấu của Hoa kỳ, nhằm mục tiêu võ trang một quân đội quốc gia VN đủ mạnh để giúp Mỹ rút quân

tuần tự. Ngoài ra, về mối liên hệ giữa K và Nixon, Ts Đức nhận xét rằng Nixon không tin dùng Bộ Ngoại giao, nhưng đồng thời cũng bực bội không ít về cách tự đề cao ba hoa của K với báo giới, tự cho mình là một “ phù thủy hoà bình, a peace magician”, đặc biệt sau chuyến công du bí mật của y qua Bắc kinh, làm lu mờ vai trò của Nixon về mặt đối ngoại. Tại sao Nixon không hãm bớt K? Nixon không quên K đã phản Rockefeller và Đảng Dân chủ để giúp Nixon (Cộng hoà) thắng cử năm 1968. Bởi thế, Nixon ngăn K có thể trở cờ một lần nữa vì quyền lợi cá nhân. (trang 337-338). Sau hết, Ts Đức lưu ý: Khác với Eisenhower từng mời thượng khách Ngô Đình Diệm đọc diễn văn tháng năm 1957 trước lưỡng viện Quốc hội Hoa kỳ, hai Tổng thống Johnson và Nixon đều tránh tiếp chính thức ông Thiệu tại thủ đô Washington, viện lẽ sợ phe phản chiến biểu tình. Sau Hiệp định Ba Lê, Nixon miễn cưỡng mời vợ chồng TT Thiệu qua San Clemente, tiếp tại tư thất La Pacifica, để an ủi xã giao. Nixon và Thiệu gặp nhau ba lần. Nixon đã gửi Thiệu trên 20 mật thư hứa hưu, hứa vượn.

2- Ông Nguyễn Xuân Phong, tốt nghiệp đại học Oxford, nguyên Tổng trưởng Xã hội và Chiêu hồi, thay thế đại sứ Phạm Đăng Lâm sau 3.2.1973 trong chức vụ Trưởng đoàn VNCH tại hoà đàm Ba Lê. Ông cho phổ biến “Hope and Vanquished Reality, Hy vọng và Khắc phục Thực tại” năm 2001 tại New York, nhà xuất bản là Center for A Science of Hope trực thuộc ICIS (International Center for Integrative Studies), một tổ chức truyền giáo Thụy điển ở Hoa kỳ đấu tranh cho nhân quyền và chuyên nghiên cứu về vai trò của Hy Vọng trong tín ngưỡng. Ông Phong cộng tác trong Hội đồng Cố vấn ICIS từ 1988. Quyển hồi ký Hope dày 374 trang, chia thành 11 chương kể lại việc tác giả từ Paris trở về Sài Gòn năm ngày trước khi Sài Gòn sụp đổ vào tháng tư 1975, 5 năm cải tạo trong trại học tập Cộng sản, đời sống cơ cực ở VN khi được phóng thích năm 1980, những tang tóc liên tiếp trong gia đình và thủ tục phiền toái để xuất ngoại. Ông Phong được phép nhập cảnh Hoa kỳ năm 2000. Hope & Vanquished Reality là cuốn sổ tay của một nhà ngoại giao chấm phá ghi lại những âm vang gây trên đức tin của mình bởi sự phá sản của chế độ mà y phục vụ nhiều năm. Người đọc có cảm tưởng tác giả muốn chứng minh Hy vọng là ngọn hải đăng dẫn dắt ông vượt qua mọi thử thách gian nguy cá nhân, mọi cảnh tan nát của Quê hương. Bởi thế N X Phong không đi sâu vào chi tiết của Hoà đàm Bá Lê, không đề cập nhiều đến giai đoạn đấu khẩu gay go giữa hai phái đoàn Bắc-Nam tại bàn hội nghị. Sau khi Phạm Đăng Lâm qua Luân đôn nhậm chức đại sứ tháng giêng 1973 và bs Nguyễn Lưu Viên rời vĩnh viễn La Celle Saint Cloud để trở về VN, ông Phong phải một mình đảm trách tại Paris các công tác tồn đọng và tẻ nhạt: gặp báo chí, dự các cuộc thảo luận không đi đến đâu và tiếp xúc với các phái đoàn. Nhờ sự giao thiệp cởi mở và khả năng ngoại ngữ, ông Phong là nhân vật VNCH thường có dịp trao đổi ý kiến ngoài bàn hội nghị với phái Mỹ như Harriman, Cyrus Vance, Negroponte và đặc biệt, Kissinger. Sự kiện đáng lưu ý là chương 11 trong hồi ký “ The Longest Road: The Communicative Hope, Con đường dài nhất: Hy vọng truyền nhiễm”, trang 290-392, kể lại việc Phong tiếp xúc và giữ liên lạc với Nguyễn Cơ Thạch, thứ trưởng Ngoại giao, phụ tá cho Lê Đức Thọ, vai trò chính trong phái đoàn Bắc Việt. Chính K đã giới thiệu Phong với Thọ và Thạch trong một đêm tiếp tân của Ngoại trưởng Pháp Maurice Schumann, sau đó Thạch và Phong gặp nhau lại nhiều lần ngoài phòng hội nghị, trao đổi ý kiến cởi mở và trở nên “đôi anh em đối nghịch thành thực, true brother-enemies” tuy dị biệt về một số quan điểm. Phong đánh giá Thạch “thông minh, hiểu biết, có văn hoá, không quá khích và chủ trương thỏa hiệp hơn là hận thù”. Thạch và Phong đồng ý với nhau ít nữa về một điểm: “Hatred and bitterness have never generated anything really good in the end, Cuối cùng Hận thù và Đắng cay không bao giờ sinh sản điều gì tốt thật sự.” Sau 1980, Phong ra khỏi trại cải tạo, phải đi dạy Anh văn để sanh sống với số lương năm chục đô hằng tháng, Thạch trở nên một nhân vật của Chính trị Bộ, Phó Thủ tướng kiêm Ngoại trưởng. Thạch có mời Phong đến Văn phòng để hỏi ý kiến, đối xử lịch sự như trước, Phong

thẳng thắn đề nghị cần đổi mới kinh tế và bình thường hoá ngoại giao với Mỹ. Một thời gian sau, Nguyễn Cơ Thạch mất ghế trong Chính trị bộ và Chính phủ vì bị xem như thành phần quá cấp tiến.

3. Ts Nguyễn Tiến Hưng cho ra mắt tại Little Saigon, Californie, tháng tư năm nay, quyển hồi ký thứ hai “Khi Đồng Minh Tháo chạy” (KĐMTC) vào lúc George Bush tiếp Phan Văn Khải tại Hoa Thịnh Đốn, cộng đồng người Việt hải ngoại sôi sục chống đối. Việc giới thiệu sách thành công về thương mại. Giọng tít lớn (và cũng là lời nguyện rửa của K) “Sao chúng không chết phứt cho rồi” mà tác giả khôn ngoan cho in trên bì là làm cho đồng bào ta muốn biết thêm, mua sách. Hồi ức KĐMTC dày 705 trang, chia thành bốn phần: Làm sao thoát khỏi vùng lầy, Thân phận tiểu quốc, Khi Đồng minh tháo chạy và Rước của nợ hay được của có. Quyển sách in lại nhiều đoạn và tài liệu - như các bức thư và mật điện trao đổi giữa Nixon, Ford và Thiệu từ 1972 đến 1975, luôn cả lời nguyện rửa của Kissinger - đã đăng trong Hồ sơ mật Dinh Độc lập (HSMDDL), bản dịch ra tiếng Việt của The Palace File xuất bản năm 1986, dày 908 trang. Về cách bố cục nội dung, phương pháp sưu tầm, trình bày các chứng liệu và ngay cả văn phong, HSMDDL súc tích và có trọng lượng hơn KĐMTC, có lẽ vì nhờ sự hợp tác khoa học của đồng tác giả Jerrold L Schechter, nguyên chủ bút của tạp chí Time, và khả năng chuyển dịch của Cung Thúc Tiến và Nguyễn Cao Đàm Trong Lời Nói Đầu của KĐMTC, Ts Hưng xác nhận ông chỉ làm việc trực tiếp với tướng Thiệu trong những ngày tháng hấp hối của chế độ sau khi Hiệp định Ba Lê được ký. Bởi vậy các ông Cao Văn Viên, Trần Thiện Khiêm, Trần Văn Lắm, Nguyễn Lưu Viên, Nguyễn Phú Đức và Nguyễn Xuân Phong xác nhận với người viết không có dịp tiếp xúc với Hưng. Ts Hưng than: “Trong cương vị điều hợp viên viện trợ kinh tế cho VNCH, nhiều lúc tôi phải dẹp bỏ tự ái, lui tới Quốc Hội Hoa kỳ như một người đi cầu xin” (trang 21). Khi tình hình an ninh trở nên bi đát, quân đội cạn đạn dược / xăng nhớt, ngân sách hết tiền trả lương cho lính và cảnh sát, ông Thiệu mới nghĩ đến việc sai đại tá Đức trao cho Ts Hưng đầu tháng 4.1975 một hồ sơ bì đen đựng các thư mật nói trên để ông Hưng gấp đi lobby (!) chính khách và báo giới Mỹ. Ngày 15.4.1975, một tuần trước khi Thiệu từ chức (21 tháng 4), Hưng đáp máy bay Panam qua Washington. Đây là một sứ mạng biết trước vô vọng vì quá trễ. Không còn nước để mà tát. Hoa kỳ đang xoá sổ đồng minh. VNCH hết được coi như “tiền đồn của thế giới tự do” trấn giữ làn sóng đỏ. Để sớm dứt điểm, Mỹ vận dụng mọi thủ đoạn: đi đêm với Bắc Việt, dành quyền thương thuyết thế cho chính phủ Sài Gòn, trấn an, tránh né, đe dọa ký riêng, hãm cắt viện trợ, cam kết đầu môi và bảo đảm sông. Hoa Thịnh đốn - và Ngoại trưởng Kissinger, gốc Do Thái - dồn viện trợ vào Israel, “tiền đồn bảo vệ dầu lửa ở Trung Đông.” Chính sách đối ngoại của Mỹ thực tế, realpolitik, không nặng về luân lý, ý thức hệ hay lòng chung thủy. Căn cứ vào quyền lợi mà thôi. Quyền lợi thô bạo. “Who pays, commands, Ai chi tiền thì người đó chỉ huy” là câu châm ngôn gối đầu ở nước này. Vì nhận thấy Quốc hội Hoa kỳ phải sạch tay về VN, Ts Hưng quyết tổ chức cho kỳ được một cuộc họp báo kiểu nhà nghèo ngày 30.4.1975 tại khách sạn Mayflower, đường Connecticut, Hoa Thịnh Đốn, với 3.000 đô vay của gia đình. Ông không lấy ra được ngân khoản 20.000 mỹ kim mà TT Thiệu hứa miệng để trang trải chi phí. Thầy củ của Hưng là Giáo sư Warren Nutter, cựu Phụ tá Bộ trưởng Quốc phòng thời Nixon, hết lòng ủng hộ nhưng không giúp được gì nhiều. Ts Hưng làm công việc của một người chữa lửa không có dụng cụ trong tay khi nhà cháy sắp tan thành tro. Trong phiên họp báo, ông không đề cập đến những mật điện do Ford gửi cho Thiệu và chỉ dùng vài bức thư cam kết của Nixon để xin cứu vớt đoàn người đang đổ xô ra Biển Đông. Kết quả là - cọng với áp lực của dư luận thế giới và đặc biệt nhờ sự can thiệp mạnh của Tổng thống Jimmy Carter - Quốc hội HK chấp nhận trợ cấp 455 triệu đô và mở cửa đón làn sóng tị nạn VN trên con số 50.000 người dự trù lúc đầu. Tại Sài Gòn lúc đó, ba chiến xa T54 của Bắc Việt phá cổng xông vào Dinh Độc lập, trưng cờ Mặt trận Giải phóng Miền

Nam. Cố TT Thiệu cho người viết biết: sau 1975, Ts Hưng có trở về VN làm việc trong lãnh vực tài chính. Mặt khác, nơi trang 18 của quyển hồi ký “Câu chuyện một di dân tỵ nạn Việt” vừa xuất bản năm nay tại San José, cựu trung tá không quân Trần Đổ Cung, trước kia từng giữ chức Cục trưởng Tổng Cục Tiếp tế thời Nguyễn Cao Kỳ, hiện ở Monterey, California, có ghi rằng năm 1988 Nguyễn Tiến Hưng từ Hànôì có nhờ một người bà con của Cung là vợ của Tôn Quang Phiệt, một cán bộ cao cấp CS, nhắn Cung “trở về giúp nước” nhưng Cung không nhận lời.

Kết luận. Về cái chết của Miền Nam VN, TT Thiệu tuyên bố: “Tôi có trách nhiệm nhưng tôi không có lỗi”. Mặt khác, trong hồi ký Ending the VN War, Kissinger viết: “Nếu không có sự sụp đổ của quyền hành pháp vì vụ Watergate, tôi tin rằng chúng ta có thể thành công”. Một ngày sau Hiệp định Bá Lê, Phụ tá Nixon là John Ehrlichmann hỏi VNCH tồn tại được bao lâu, K đáp: “Nếu may mắn thì họ có thể cầm cự được một năm rưỡi”. Chính phủ Sài Gòn sống lâu hơn decent interval ấy, khiến K mất kiên nhẫn, buông lời nguyền rủa thô bỉ. Trong thất bại, thay vì trách người, ta phải tự trách mình trước, Tiên trách kỷ, hậu trách nhân. Watergate và Quốc hội Mỹ cắt viện trợ là hai yếu tố làm Đệ nhị Cộng hoà tan rã nhưng chủ trương bỏ Miền Nam đã có trước cả Watergate. Cá nhân TT Thiệu gánh chịu trách nhiệm vì một số sai lầm tai hại: 1 - Quá tin vào sự ủng hộ của Hoa kỳ, nghĩ rằng Hoa kỳ sẽ không bỏ rơi vì VN có nhiều dầu lửa (!). Thiệu không thông hiểu và không đánh giá đúng đắn vai trò của Lập pháp và Truyền thông ở xứ này, coi thường công cuộc hoạt động hành lang, lobby, và nhất quyết bám víu vào 30 bức thư và mật điện trao đổi với Nixon mà ông giữ kín như bảo vật đến giờ chót theo lời cam kết riêng tư. Thiệu không dám tiết lộ vì sợ chính quyền Mỹ “tố cáo là bội ước” (KĐMTC, trang 258). Cuối cùng, TT Thiệu nhận thấy - nhưng quá trễ! - mình bị gạt vì chủ tâm của Nixon và Kissinger là dấu không cho Quốc hội HK biết những hứa hẹn thiếu thành thật. 2- TT Thiệu không có kế hoạch thiết thực cứu nguy Đất nước và đã để xứ sở tuỳ thuộc Hoa kỳ quá sâu về chính trị, quân sự và kinh tài. Ông áp dụng muộn màng những biện pháp hốt hoảng vào những ngày cuối cùng như tiết lộ các bức thư mật của Nixon, chạy vay tiền của quốc vương Saudi Arabia, thế chấp 16 tấn vàng của Quốc gia Ngân hàng, thế chấp tiềm năng dầu hỏa, xuất cảng gạo..v..v..để mượn tiền Mỹ. Đầu năm 1975, TT Thiệu làm chính trị như đánh bạc thử thời vận. Chơi đòn thẩu cáy, ông cho rút quân khỏi Cao Nguyên và Miền Trung trong một kế hoạch “tái phối trí” mệnh danh “đầu bé, đít to” để thử nghiệm lời cam kết can thiệp của Nixon. Hoa kỳ đứng dưng trước hành vi của Bắc Việt xé bỏ thô bạo Hiệp định Paris. Ông Thiệu hồ lớn, cụt vốn lẫn lờ, tằm tan rã Quân đội. Trung tướng Ngô Quang Trưởng xác nhận với người viết rằng không có nhu cầu gấp rút bỏ Huế và Đà Nẵng. Thay vì nêu gương ở lại chiến đấu với đồng đội sau ngày từ chức, ông Thiệu bỏ xứ ra đi. 3- TT Thiệu nắm trọn trong tay vận mạng của quốc gia, coi thường hai ngành Lập pháp và Tư pháp, quyết định một mình việc bỏ rơi hỗn loạn Cao nguyên và Miền Trung và ngang nhiên hành động vi hiến. Điều 39 Hiến pháp buộc các hiệp ước về hoà bình (Hiến pháp dùng danh từ “nghị hoà”) phải được Quốc hội chuẩn phê. Thiệu phạm một sai lầm căn bản khi ông chọn không tuân hành điều này vào tháng 10.1968 để tránh chạm trán với Johnson. Ông mời chủ tịch Thượng viện và Hạ viện tham gia thảo luận trong Hội đồng An ninh Quốc gia để tạo cảm tưởng Quốc hội chính thức chấp thuận các quyết định của Hội đồng. Trên thực tế, Thiệu truất quyền của Lập pháp kiểm soát đường lối thương thuyết của Hành pháp. Đồng lúc, TT Thiệu vô hiệu hoá luôn khả năng của Hành pháp (mà ông đại diện) chống lại áp lực của Johnson và Nixon, để Hoa kỳ tự ý rút quân. Ông Thiệu có dịp tâm tình với người viết rằng ông bị ám ảnh bởi vụ đảo chính và hạ sát TT Diệm do Mỹ sắp xếp khi TT Diệm chống đối. Ngày nay, ôn cố tri tân, nhắc lại chuyện đau buồn đã qua, không phải là để quy trách tiêu cực mà là để rút tĩa những bài học từ những thiếu sót trong dĩ vãng hầu giúp cho thế hệ cầm quyền sắp tới đừng tái phạm. Mỗi



lãnh tụ đều gặp những khó khăn và khổ tâm riêng, đặc biệt khi hoàn cảnh bắt buộc, cùng một lúc, đương đầu với một đồng minh đánh thép như siêu cường Hoa Kỳ và một kẻ thù gian ngoan như Cộng sản. Sau buổi phỏng vấn dài tại Dinh Độc Lập đầu tháng giêng 1973, trước ngày ký Hiệp định Paris, nữ ký giả Ý Oriana Fallaci, (người đã từng phỏng vấn Kissinger, Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp), nhận xét: “Có ít nhiều nhân cách trong TT Thiệu và thâm kịch của ông. Chúng ta có thật hiểu ông hay không? Ít nữa, trong giờ phút đặc biệt này, ông không còn là con múa rối lố bịch của người Mỹ như chúng ta tưởng..Tôi hoan hỉ tỏ lòng thương xót và kính trọng đối với ông.” (Interview with History , Oriana Fallaci, trang 48). Với cố Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, lời an ủi cuối cùng này - một Requiescat in pace! - có đủ hay không? Dân tộc là sức mạnh vạn năng, vạn thắng. Lãnh tụ thất bại vì đánh mất lòng tin và sự ủng hộ của Dân tộc. Khi lãnh tụ thất bại và gục mặt ra đi, chỉ còn lại Dân tộc. Dân tộc trợ trợ, dân tộc cô đơn, dân tộc đau khổ. Dân tộc gánh chịu hết mọi oan khiêng và tủi nhục. Nhiều thế hệ trẻ vô tội phải trả một cái giá rất đắt cho sự sai lầm của cha ông.

## **LÂM LỄ TRINH**

### **THƯ TỊCH:**

1 - “Điểm sách Ending the VN War của Kissinger, TT Thiệu và Hoà đàm Paris” by Lâm Lễ Trinh 17.8.2001, trong tạp chí VN Forum , Đức quốc

2 - “Mạn đàm với Bs Nguyễn Lưu Viên, Từ Hội nghị La Celle Saint Cloud đến những ngày VNCH hấp hối” by Lâm Lễ Trinh, 1.9.2001 trong Thời Luận, Los Angeles.

3 - “Kissinger nhận định trong hồi ký Ending the VN War: Kinh nghiệm VN và thế trận hiện đại” by Lâm Lễ Trinh, 9.10.2002 trong tạp chí Dân chủ & Phát triển, Đức quốc.

4 - “Mạn đàm với cựu Ngoại trưởng Trần Văn Lắm: Bề trái trong Hoà đàm tại Bá Lê” by Lâm Lễ Trinh, 9.8. 1999, trong tạp chí Hải Ngoại Nhân Văn, Boston

5 - “Điểm sách: Nguyễn Thị Bình tiết lộ về Hoà đàm Bá Lê trong “Chung một Bóng Cờ” by Lâm Lễ Trinh, 6.12. 2000, trong tạp chí Cánh Én, Đức quốc

6 - “Our Endless War, Inside VN” (Presidio Press, CA, 1978) và VN Nhân Chứng, nxb Xuân Thu, CA, 1989, by Trần Văn Đôn

7 - Interview with History, by Oriana Fallaci, Houghton Mifflin Co, Boston, 1976

**Nguồn:** <http://www.tqlcvn.org/tqlc/ts-vietve-caichet-d2ch.htm>

Sao lục: **Nam Phong**

Ngày 9/11/4893 – Giáp Ngọ (30/12/2014)

[www.vietnamvanhien.net](http://www.vietnamvanhien.net)